

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DS-PT

Ngày: 09/01/2026

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền.

Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1417/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 781/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 và quyết định sửa chữa bổ sung số 119/2025/QĐ-SCBS ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7568/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Đình L, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: D22/609D T, ấp D, xã P, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Trường Bảo H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 3 T, Phường A, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Cổ phần D; Địa chỉ: Số B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/3/2025 tại Văn phòng C).

Người được ủy quyền lại:

- Ông Trương Minh Cát N, sinh năm 1971 (Có mặt);
- Hoặc ông Trương Minh Cát N, sinh năm 1971 (Vắng mặt);
- Hoặc ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
- Hoặc bà Hoa Trúc L1, sinh năm 1988 (Vắng mặt);
- Hoặc bà Nguyễn Khánh L2, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: C, Tầng F, Tòa nhà R, 1 B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền lại ngày 11/3/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Mậu L3, sinh năm 1986 (Có mặt); Địa chỉ: B Chung cư N, xã P, huyện N (nay là xã N), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/10/2023, tại văn phòng Công ty TNHH B, bà Nguyễn Trường Bảo H cho biết có nhu cầu mua hợp đồng bảo hiểm cho người thân với số tiền 180.000.000 đồng nhưng không có khả năng chi trả. Ông Phan Đình L, là cấp trên của bà H, đã đồng ý rút tiền từ thẻ tín dụng để cho vay và nhờ ông Hồ Mậu L3 chuyển tiền cho bà H. Đến ngày 01/12/2023, khi đến hạn thanh toán, bà H xin khất nợ và tiếp tục vay thêm 20.000.000 đồng, hẹn sẽ hoàn trả tổng cộng 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H nhiều lần thất hứa, khiến ông L phải liên tục thực hiện việc đáo hạn thẻ, phát sinh chi phí.

Ngày 22/01/2024, hai bên thỏa thuận bà H sẽ trả trước Tết 20.000.000 đồng và số còn lại 183.672.000 đồng được chia làm ba đợt. Thực tế, bà H chỉ trả được 13.600.000 đồng vào ngày 05/02/2024 cùng một vài khoản nhỏ khác, không đúng như cam kết. Tính đến ngày 09/01/2025, tổng số tiền bà H còn nợ ông L là

229.439.400 đồng, gồm 180.000.000 đồng gốc, 10.000.000 đồng vay thêm và 39.439.400 đồng phí đáo hạn.

Buộc bà Nguyễn Trường Bảo H phải thanh toán ngay cho ông số tiền là 295.203.940 đồng, trong đó nợ gốc là 190.000.000 đồng (gồm 180.000.000 đồng vay ngày 30/10/2023, 10.000.000 đồng vay thêm ngày 01/12/2023), tiền phí đáo hạn thẻ tín dụng tính đến ngày 23/9/2025 là: 74.276.406 đồng, tiền nợ lãi thẻ tín dụng tính đến ngày 23/9/2025 là: 30.927.534 đồng.

Bị đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Minh Cát N trình bày:

Bà Nguyễn Trường Bảo H cho rằng sự việc không phải như ông L trình bày. Thực chất, bà cùng ông L, ông L3 và một số người khác đều là đại lý bảo hiểm của Công ty B, làm việc trên cơ sở doanh số, không có lương cứng. Tháng 10/2023, ông Hồ Mậu L3 đề nghị bà bỏ ra 180.000.000 đồng để mua hợp đồng bảo hiểm nhằm đạt chỉ tiêu, đồng thời hứa hẹn bà sẽ được thưởng 38.000.000 đồng và giúp cả ông L3 lẫn ông L đạt doanh số. Do không có tiền, bà H từ chối, nhưng sau đó ông L3 gọi điện cho ông L. Ít lâu sau, ông L3 thông báo rằng ông L sẽ rút thẻ tín dụng cho bà mượn, bà chỉ cần đứng tên các hợp đồng bảo hiểm. Bà H đồng ý và đã nhận 180.000.000 đồng từ ông L3 (3 lần chuyển khoản). Số tiền này bà phân bổ lại cho nhiều người khác để đứng tên mua 6 hợp đồng bảo hiểm. Việc chi tiền có sao kê rõ ràng. Theo bà H, đây là tiền ông L và ông L3 tự bỏ ra để “chạy doanh số” cho cả nhóm, chứ không phải tiền bà vay. Do một số hợp đồng không được tính vào tháng 10 mà chuyển sang tháng 11, việc chạy số không thành công, ông L và ông L3 không đạt thưởng. Sau đó, ông L nhiều lần gây áp lực và buộc bà H phải nhấn tin thừa nhận là nợ, khiến bà suy sụp. Bà khẳng định mình không vay 180.000.000 đồng như ông L nói, mà chỉ vay duy nhất 20.000.000 đồng vào ngày 01/12/2023 để chữa bệnh. Số tiền này bà đã nhiều lần thanh toán: 10.600.000 đồng ngày 05/02/2024, 4.000.000 đồng ngày 15/03/2024, 2.115.000 đồng ngày 06/06/2024, và 2.500.000 đồng được khấu trừ vào khoản thưởng thi đua. Như vậy, bà đã trả xong khoản vay 20.000.000 đồng, không còn nghĩa vụ nào khác, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Mậu L3 trình bày:

Ông xác nhận sự việc như ông L trình bày là ngày 30/10/2023, tại văn phòng Công ty TNHH B có sự việc ông L rút thẻ tín dụng, còn ông L3 là người chuyển tiền cho bà H vay số tiền 180.000.000 đồng của ông L. Ông L3 thừa

nhận mối quan hệ cấp bậc: ông L là cấp trên của ông, và ông là cấp trên của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 781/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 và Quyết định sửa chữa bổ sung số 119/2025/QĐ-SCBS ngày 04/11/2025 đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình L về việc buộc bà Nguyễn Trường Bảo H trả số tiền 295.203.940 (Hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn chín trăm bốn mươi đồng), trong đó nợ gốc là 190.000.000 đồng (gồm 180.000.000 đồng vay ngày 30/10/2023, 10.000.000 đồng vay thêm ngày 01/12/2023), tiền phí đáo hạn thẻ tín dụng tính đến ngày 23/9/2025 là: 74.276.406 đồng, tiền nợ lãi thẻ tín dụng tính đến ngày 23/9/2025 là: 30.927.534 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/10/2025, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Giữ nguyên kháng cáo:

Về nội dung kháng cáo phiên tòa sơ thẩm không có đại diện Viện kiểm sát tham gia ông chỉ có ý kiến trong đơn kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm ông không yêu cầu xem xét;

Do hội đồng xét xử sơ thẩm chưa xem xét kỹ chứng cứ, lập luận của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề đưa ra quyết định khách quan, công bằng;

Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Ông đồng ý không tính tiền phí thời gian sau này, chỉ yêu cầu bà H thanh toán 180.000.000đ tiền thẻ ông rút đưa bà H và số tiền 20.000.000đ bà H mượn riêng. Bà H đã trả được 10.000.000đ tiền mượn. Ông chỉ yêu cầu bà H thanh toán tổng cộng là 190.000.000đ.

Bị đơn trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; việc trả lời tin nhắn zalo, bà H không thừa nhận nội dung có vay mượn số tiền 180 triệu mà chỉ liên quan đến số tiền 20.000.000đ bà H nợ ông L. Việc nhắn tin là trao đổi về kế hoạch kinh doanh giữa ông L3, bà H, ông L. Số tiền đóng để thực hiện mua các hợp đồng bảo hiểm không có nhận được thưởng hay hoa hồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Hồ Mậu L3 trình bày: Đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của đương sự là còn trong hạn luật định.

Về thủ tục: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định không có ý kiến nội dung không có viện kiểm sát tham dự phiên tòa sơ thẩm nên không xem xét.

Về số tiền 180 triệu đồng, bà H thừa nhận có số tiền này từ ông L3, ông L3 thừa nhận số tiền này từ ông L, tuy nhiên bà H thừa nhận số tiền này phân bổ nhờ người khác đứng tên gồm bà U, ông T1, ông A để nhóm nhận thưởng, nhưng cấp sơ thẩm không đưa các ông bà này vào tham gia tố tụng mà chỉ dựa vào lời trình bày của bà H để nhận định bà H không nhận số tiền 180.000.000đ từ ông L nên không chấp nhận yêu cầu của ông L là chưa khách quan.

Về biên bản nghị án sai sót ở mục 2 phần tuyên xử: biên bản thể hiện nội dung biểu quyết liên quan đến Công ty Cổ phần X và Ngân hàng TMCP V không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về nội dung kháng cáo phiên tòa sơ thẩm không có đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định không có ý kiến về nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[2.2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết

khách quan vụ án.

Các bên xác định 180.000.000đ là khoản tiền mà bà H nhận chuyển khoản từ ông L3, ông L3 xác định nhận chuyển từ ông L và chuyển cho bà H. Bà H đã chuyển số tiền trên cho các ông bà Bùi Ngọc Á là 40.894.000đ để ông Á đứng tên mua 02 hợp đồng bảo hiểm, người được bảo hiểm là Bùi Thiện N1 và Bùi Thiện N2, Đặng Hoàng T1 nhận tiền 02 lần là 50.000.000đ và 68.000.000đ, tổng là 118.000.000đ người được bảo hiểm là Đặng Nguyễn Hoàng A và Đặng Nguyễn Hoàng Á, Nguyễn Hoàng T2; và Hà Đỗ Phương U số tiền 20.068.000đ.

Bị đơn khai có 2 hợp đồng được tính toàn bộ vào doanh số tháng 10/2023; còn 04 hợp đồng tính theo doanh số tháng 11/2023 nên cả ba bên là ông L, L3 và bà không đạt doanh số. Ông L đã cố tình nhấn tin với nội dung là nợ để buộc bà trả nợ và lãi đáo hạn thẻ tín dụng. Nên bị đơn không có trách nhiệm trả lại tiền cho ông L.

Ngoài ra bị đơn thừa nhận có vay riêng ông L số tiền là 20.000.000đ và đã chuyển trả cho ông L khoản tiền này.

Xét nguyên đơn, bị đơn xác nhận bị đơn có thanh toán tiền 03 lần cho nguyên đơn là 21.145.000đ.

Để xác định làm rõ bản chất số tiền 180.000.00đ là tiền gì, số tiền được chuyển khoản từ tài khoản của ông L qua ông L3 và từ ông L3 qua bà H; và qua nội dung tin nhắn trao đổi giữa ông L3 và bà H ngày 30/10/2023 phía ông L3 có nhắn: “Tiền ok nhé, thẻ anh L có đủ. Phí rút thẻ em chịu cho chị”, theo bà H đây là khoản tiền để mua các hợp đồng bảo hiểm cho nhiều người khác để chạy doanh số bảo hiểm, bà H đưa ra tài liệu chứng cứ những người bà chuyển tiền để đứng tên hợp đồng bảo hiểm, nên cần phải đưa những người tham gia tố tụng khác là ông T1, ông Á và bà Phương U thì mới có cơ sở xác định nghĩa vụ thanh toán thuộc về ai và thanh toán cho mục đích nào, làm rõ tiền phí rút thẻ.

Tại biên bản nghị án có sai sót ở mục 2 phần tuyên xử có nội dung biểu quyết không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này. Đối với thiếu sót trên cấp phúc thẩm không khắc phục được, cần hủy án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét đề nghị hủy án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 781/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải nộp án phí; hoàn lại cho nguyên đơn ông Phan Đình L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0028335 ngày 20/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Tòa án nhân dân khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà

